

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

Các Báo cáo Tài chính Riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng	11 - 73

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992, có thời hạn 99 năm.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười chín (19) chi nhánh, và năm mươi ba (53) phòng giao dịch và bảy (07) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Ngân hàng có một công ty con là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, với tỷ lệ sở hữu 98,66%.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính riêng này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bảng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính riêng này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm vào ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 2 năm 2002
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 8 năm 2007
Bà Đỗ Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 5 năm 2011

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày lập báo cáo này là bà Bùi Thị Mai, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho các năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

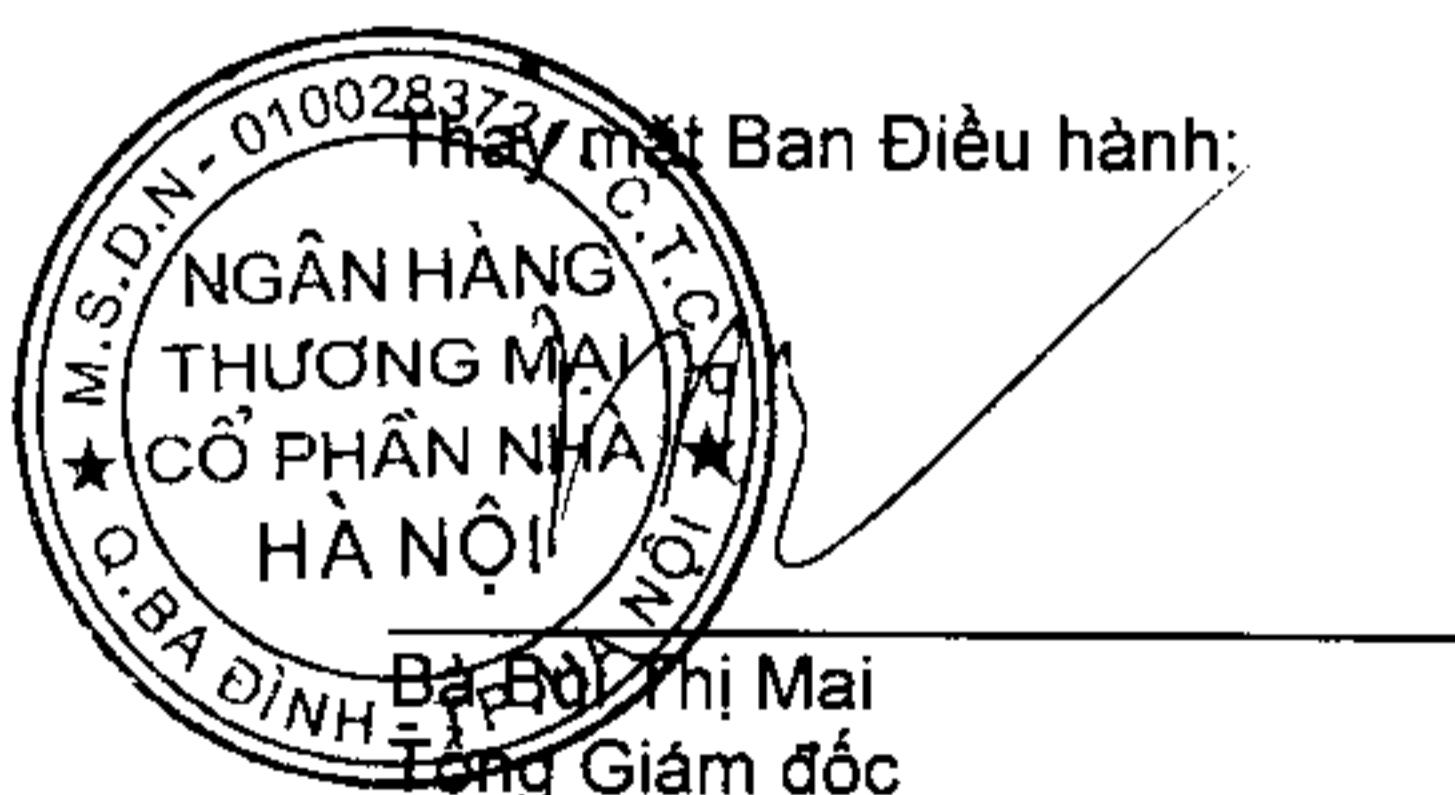
- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- lập các báo cáo tài chính riêng hợp lý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, các báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Số tham chiếu: 60755044/14681553

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Ngân hàng") được trình bày từ trang 5 đến trang 73, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng kèm theo của Ngân hàng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0452/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0761/KTV

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐÔI KẾ TOÁN RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B02 /TCTD

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2011 triệu đồng</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	347.483	348.598
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	6	440.766	34.087
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	7	4.622.750	6.992.843
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác		4.622.750	6.972.993
Cho vay các TCTD khác		-	20.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	(150)
Chứng khoán kinh doanh	8	54.098	221.414
Chứng khoán kinh doanh		59.486	226.885
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(5.388)	(5.471)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	1.081	-
Cho vay khách hàng		21.761.358	18.300.130
Cho vay khách hàng	10	22.352.405	18.684.558
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(591.047)	(384.428)
Chứng khoán đầu tư	12	11.770.625	7.427.959
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	7.526.821	3.447.370
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	4.349.271	4.004.518
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12.3	(105.467)	(23.929)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	396.071	389.284
Đầu tư vào công ty con	13.1	148.000	150.000
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác	13.2	264.459	266.959
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13.2	(16.388)	(27.675)
Tài sản cố định	14	224.818	229.641
Tài sản cố định hữu hình	14.1	171.686	170.074
Nguyên giá tài sản cố định		299.665	274.537
Hao mòn tài sản cố định		(127.979)	(104.463)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	14.2	53.132	59.567
Nguyên giá tài sản cố định		85.353	84.116
Hao mòn tài sản cố định		(32.221)	(24.549)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	15	1.830.898	4.290.628
Các khoản phải thu	15.2	635.623	433.732
Các khoản lãi, phí phải thu	15.1	1.179.663	686.427
Tài sản thuê TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản Có khác	15.3	31.283	3.170.469
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(15.671)	-
TỔNG TÀI SẢN		41.449.948	38.234.584

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐOÎ KÉ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B02 /TCTD

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2011 triệu đồng</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	2.631.511	2.011.548
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	11.742.622	10.450.209
Tiền gửi của các TCTD khác	17.1	11.535.445	10.313.744
Vay các TCTD khác	17.2	207.177	136.465
Tiền gửi của khách hàng	18	18.831.929	16.636.983
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	9	-	17.127
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	19	373.586	871.574
Phát hành giấy tờ có giá	20	2.951.376	3.752.783
Các khoản nợ khác			
Các khoản lãi, phí phải trả		573.327	1.100.633
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		445.069	265.119
Các khoản phải trả và công nợ khác	21	118.706	822.097
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	11	9.552	13.417
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		37.104.351	34.840.857
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ	23	4.345.597	3.393.727
Vốn của TCTD		4.051.455	3.001.455
Vốn điều lệ		4.050.000	3.000.000
Vốn đầu tư XDCB		-	-
Thặng dư vốn cổ phần		1.455	1.455
Cổ phiếu quỹ		-	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-
Quỹ của TCTD		178.286	125.752
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		115.856	266.520
TỔNG NGUỒN VỐN		4.345.597	3.393.727
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.449.948	38.234.584

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B02 /TCTD

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2011 triệu đồng</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	267.178	751.569	
Bảo lãnh khác	1.006.415	1.037.771	
	38	1.273.593	1.789.340
Các cam kết đưa ra			
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-	-
Cam kết khác	-	-	-

Người lập:

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 48 là một phần của các báo cáo tài chính riêng này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B03/ TCTD

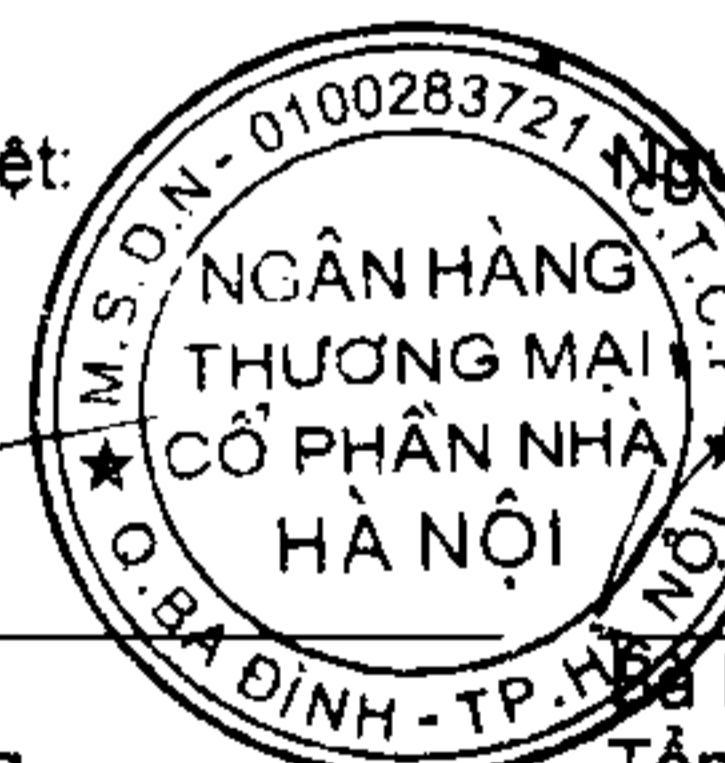
	<i>Thuyết minh</i>	<i>2011 triệu đồng</i>	<i>2010 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	5.783.029	3.053.258
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(4.949.731)	(2.368.085)
Thu nhập lãi thuần		833.298	685.173
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		60.471	63.794
Chi phí hoạt động dịch vụ		(23.144)	(42.832)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	28	37.327	20.962
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	(104.893)	(14.267)
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	(494)	94.804
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	31	262.793	107.900
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	32	42.547	215.493
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	33	111.594	124.698
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.182.172	1.234.763
Chi phí tiền lương	34	(184.634)	(144.487)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	14, 34	(39.884)	(35.371)
Chi phí hoạt động khác		(265.152)	(184.432)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	34	(489.670)	(364.290)
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG		692.502	870.473
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho vay TCTD khác		150	(150)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay tổ chức kinh tế	11.1	(295.116)	(280.317)
Hoàn nhập dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng	11.2	3.865	4.880
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		401.401	594.886
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(72.451)	(112.862)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
Chi phí thuế TNDN		(72.451)	(112.862)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		328.950	482.024

Người lập:

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:

Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 48 là một phần của các báo cáo tài chính riêng này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B04/ TCTD

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2011 triệu đồng</i>	<i>2010 triệu đồng</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		5.087.902	2.681.819
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(4.769.780)	(2.364.568)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		37.327	20.961
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		238.861	141.027
Thu nhập/(chi phí) khác		(4.647)	(24.542)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	20.198	83.280
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(449.788)	(328.918)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	22.1	(106.880)	(85.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		53.193	123.996
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(212.395)	1.608.977
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(3.256.805)	(1.615.782)
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(1.081)	5.210
(Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng		853.460	(5.331.512)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tồn thắt các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(99.784)	(115.728)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(1.375.145)	(3.225.658)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		619.963	(430.266)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		1.292.413	2.876.824
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		2.194.946	2.635.196
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(497.988)	2.184.284
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(17.127)	635.364
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(801.410)	14.688
Tăng khác về công nợ hoạt động		369.773	776.293
Chi từ các quỹ của TCTD		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(877.987)	141.886
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	14	(26.365)	(66.645)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		26.996	147.556
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(102.804)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	13	4.500	23.348
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	33	111.594	4.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		116.725	6.426

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B04/ TCTD

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2011 triệu đồng</i>	<i>2010 triệu đồng</i>
--	------------------------	----------------------------	----------------------------

LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tăng vốn điều lệ

Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác

Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác

Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia

(415.813) (177.345)

Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ

- -

Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ

- -

Các khoản khác

- -

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

(415.813) (177.345)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ

(1.177.075) (29.033)

Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ

35 5.685.295 5.714.328

Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá

- -

Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ

35 4.508.220 5.685.295

Các giao dịch phi tiền tệ

Trong năm 2011, vốn điều lệ của Ngân hàng tăng lên 1.050.000 triệu đồng từ chuyển đổi trái phiếu (xem *Thuyết minh* số 23.1).

Người lập:

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:

Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Các *thuyết minh* đính kèm từ mục 1 đến 48 là một phần của các báo cáo tài chính riêng này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng thời kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 4.050.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 3.000.000 triệu đồng).

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bảng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm vào ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 2 năm 2002
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 8 năm 2007
Bà Đỗ Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 5 năm 2011

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười chín (19) chi nhánh, và năm mươi ba (53) phòng giao dịch và bảy (07) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên Công ty	Quyết định Thành lập số	Lĩnh vực Hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Giấy phép thành lập và hoạt động số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 08 năm 2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán, thị trường vốn	98,66%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.791 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.464 người).

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập các báo cáo tài chính riêng này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam. Việc trình bày này không ảnh hưởng đến cái nhìn của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng. Riêng đối với các chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu, Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị như trong Thuyết minh số 23.1 và Thuyết minh số 24.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Điều hành của Ngân hàng khẳng định rằng các báo cáo tài chính riêng đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

3.2 Cơ sở lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thủ trưởng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thủ trưởng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thế giới bên ngoài Việt Nam.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày các báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4.1 Hoạt động liên tục

Mặc dù có một số khó khăn trong hoạt động kinh doanh do tình hình chung của thị trường và do một số vấn đề liên quan đến nợ xấu của Ngân hàng, Ban Điều hành Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Điều hành không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, các báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng (tiếp theo)

3.4.2 Dự phòng rủi ro các khoản tiền gửi tại các TCTD khác và trái phiếu doanh nghiệp

Vào cuối kỳ tài chính, Ngân hàng tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác và các trái phiếu doanh nghiệp để xác định mức độ dự phòng cho các khoản mục này ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Ngân hàng đưa ra các ước tính này dựa trên khả năng tài chính của đối tác và giá trị có thể thu hồi được của tài sản đảm bảo nếu có. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố có mức độ khác nhau trong nhận định chủ quan cũng như tính không chắc chắn và kết quả thực tế có thể khác nhau dẫn đến việc có thể có điều chỉnh một số khoản trong tương lai.

3.5 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong các báo cáo tài chính riêng.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 43 và 46 trên các báo cáo tài chính riêng chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Riêng đối với các khoản cho vay một số công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) và các đơn vị đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Các khoản vay này được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về việc xem xét khoanh và cơ cấu lại các khoản nợ cũ của Vinashin và các đơn vị thành viên của Vinashin đã chuyển sang PVN và Vinalines. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của Ngân hàng.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Ngân hàng thực tế hạch toán cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày ở Thuyết minh số 11.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

4.4 Đầu tư vào chứng khoán

4.4.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi đòn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi đòn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi đòn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng.. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần mua bán chứng khoán đầu tư”.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Đầu tư vào chứng khoán (tiếp theo)

4.4.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi đòn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi đòn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi đòn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

4.5 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Đầu tư góp vốn dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy tính	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

4.10 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 48). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.14 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

4.15 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng.

4.16 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng rủi ro tín dụng tại Thuyết minh số 4.2. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán riêng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.18 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

4.18.1 Các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và hợp đồng tương lai ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua / bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác" nếu dương hoặc khoản mục công nợ – khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyển tính vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối".

4.18.2 Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trên cơ sở giá thị trường, giá gốc của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

4.19 Căn cứ

Tài sản và công nợ tài chính được căn cứ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán riêng chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc căn cứ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Lợi ích của nhân viên

4.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

4.20.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, hàng năm Ngân hàng phải trích quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 5% của lợi nhuận sau thuế theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

4.20.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách áp dụng lãi suất thị trường cho loại trái phiếu không chuyển đổi tương tự. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Các chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi sau khi trừ thuế cũng được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ phân chia tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền mặt bằng VNĐ	208.596	209.621
Tiền mặt bằng ngoại tệ	117.092	81.604
Vàng tiền tệ	21.795	57.373
	347.483	348.598

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	440.766	34.087
- Bằng đồng Việt Nam	419.822	20.284
- Bằng ngoại tệ	20.944	13.803
	440.766	34.087

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Trong năm 2011, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,10%/năm (trước đó là 1,20%/năm và 0,50%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% và 1,00% (2010: 3,00% và 1,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng. Đối với tiền gửi ngoại tệ, tỷ lệ này là 8,00% và 6,00% (năm 2010: 4,00% và 2,00%). Theo đó, mức dự trữ bắt buộc (bằng VNĐ và ngoại tệ) trung bình trong tháng 12 năm 2011 là 462.984 triệu đồng đối với tiền gửi VNĐ và 10.880 ngàn USD đối với tiền gửi ngoại tệ. Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

7. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	4.622.750	6.972.993
Cho vay các TCTD khác	-	19.850
	4.622.750	6.992.843

Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác bao gồm:

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn		
- Bằng VNĐ	5.612	511.025
- Bằng ngoại tệ, vàng	323.330	292.628
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn		
- Bằng VNĐ (*)	3.473.521	4.791.274
- Bằng ngoại tệ, vàng	820.287	1.378.066
	4.622.750	6.972.993

(*): Trong đó có một số hợp đồng tiền gửi tại một số tổ chức tín dụng khác đã quá hạn với số tiền là 223.954 triệu đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Chứng khoán Nợ	50.000	208.225
Chứng khoán Chính phủ	50.000	208.225
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán nợ nước ngoài	-	-
Chứng khoán Vốn	9.486	18.660
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	1.431	1.376
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	8.055	17.284
Chứng khoán vốn nước ngoài	-	-
Chứng khoán kinh doanh khác	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5.388)	(5.471)
	54.098	221.414

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Chứng khoán Nợ	50.000	208.225
Đã niêm yết	50.000	208.225
Chưa niêm yết	-	-
Chứng khoán Vốn	9.486	18.660
Đã niêm yết	9.486	17.284
Chưa niêm yết	-	1.376
Chứng khoán kinh doanh khác	-	-
Đã niêm yết	-	-
Chưa niêm yết	-	-

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	<i>Tổng giá trị theo hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)</i>	<i>Tổng giá trị ghi sổ kế toán</i>		
		<i>Tài sản</i>	<i>Công nợ</i>	<i>Giá trị ròng</i>
Tại ngày 31/12/2011				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	267.212	268.035	266.954	1.081
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	-	-	-	-
- Giao dịch hoán đổi	267.212	268.035	266.954	1.081
Tại ngày 31/12/2010				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	980.227	996.503	1.013.630	(17.127)
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	166.660	176.428	197.260	(20.832)
- Giao dịch hoán đổi	813.567	820.075	816.370	3.705

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	17.540.005	16.101.536
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	209.339	420.936
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	81.755	66.866
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	-	-
	17.831.099	16.589.338
Phân loại lại từ ủy thác đầu tư (*)	4.521.306	2.095.220
	22.352.405	18.684.558

(*) Đây là các khoản tiền mà Ngân hàng giải ngân cho các tổ chức kinh tế, cá nhân dưới hình thức ủy thác đầu tư. Theo đó, các tổ chức kinh tế, cá nhân này sẽ đầu tư và tự chịu rủi ro đồng thời sẽ trả cho Ngân hàng một khoản phí lãi suất theo tỷ lệ cố định. Do hình thức ủy thác đầu tư này không hoàn toàn có tính chất như hoạt động tín dụng nên Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng cho khoản mục này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

	2011 lãi suất %/năm	2010 lãi suất %/năm
Cho vay thương mại bằng VNĐ	14,00 – 22,50	6,80 – 19,82
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	5,00 – 9,70	4,70 – 8,30
Ủy thác đầu tư	0,00 – 26,00	0,00 – 25,00

Cho vay thương mại gồm các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn, bao gồm cả các khoản vay đồng tài trợ mà Ngân hàng làm đầu mối, bằng VNĐ và đô la Mỹ.

10.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Phân loại lại từ ủy thác đầu tư	4.521.306	2.095.220
Nợ cho vay Vinashin (*)	2.751.470	2.384.520
Nợ đủ tiêu chuẩn	10.290.072	12.370.978
Nợ cần chú ý	3.800.878	1.386.568
Nợ dưới tiêu chuẩn	417.051	140.410
Nợ nghi ngờ	169.239	118.630
Nợ có khả năng mất vốn	402.389	188.232
	22.352.405	18.684.558

(*) Xem thuyết minh số 11.1



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	14.566.700	12.135.698
Nợ trung hạn	2.551.241	2.430.092
Nợ dài hạn	5.234.464	4.118.768
	22.352.405	18.684.558

10.3. Phân tích dư nợ theo loại tiền tệ

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Cho vay thương mại bằng VNĐ	18.914.903	15.885.825
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	3.437.502	2.798.733
	22.352.405	18.684.558

10.4. Phân tích dư nợ theo khu vực địa lý

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Khu vực Miền Bắc	18.747.308	16.510.642
Khu vực Miền Trung	244.886	187.889
Khu vực Miền Nam	3.360.211	1.986.027
	22.352.405	18.684.558

10.5. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2011 triệu đồng	%	31/12/2010 triệu đồng	%
	%	%	%	%
Cho vay các TCKT	17.063.328	76,34%	14.179.312	75,89%
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	8.880	0,04%	-	-
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	1.301.540	5,82%	1.325.213	7,09%
Công ty TNHH nhà nước	176.241	0,79%	104.905	0,56%
Công ty TNHH tư nhân	5.097.904	22,81%	4.986.067	26,69%
Công ty cổ phần nhà nước	282.913	1,27%	616.577	3,30%
Công ty cổ phần khác	9.134.378	40,87%	6.283.514	33,63%
Công ty hợp danh	-	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân	813.924	3,64%	490.882	2,63%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.448	0,06%	39.139	0,21%
Kinh tế tập thể	233.100	1,04%	333.015	1,78%
Cho vay cá nhân	5.289.077	23,66%	4.505.246	24,11%
Cho vay khác	-	-	-	-
	22.352.405	100,00%	18.684.558	100,00%



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

10.6. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	212.843	0,95%	152.089	0,81%
Thủy sản	1.500	0,01%	1.980	0,01%
Công nghiệp khai thác mỏ	684.968	3,06%	573.147	3,07%
Công nghiệp chế biến	3.617.913	16,19%	3.559.653	19,05%
SX và PP điện khí đốt và nước	629.556	2,82%	515.761	2,76%
Xây dựng	1.360.549	6,09%	1.294.021	6,93%
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	3.926.689	17,57%	2.430.398	13,01%
Khách sạn và nhà hàng	16.492	0,07%	11.940	0,06%
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	2.491.047	11,14%	2.790.967	14,94%
Hoạt động tài chính	14.067	0,06%	2.802.119	15,00%
Hoạt động khoa học và công nghệ	136.702	0,61%	113.055	0,61%
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	3.405.994	15,24%	1.328.540	7,11%
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng: Đảng, đoàn thể	-	-	-	-
Giáo dục và đào tạo	9.508	0,04%	14.498	0,08%
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	53.987	0,24%	61.602	0,33%
Hoạt động văn hóa thể thao	58.874	0,26%	51.052	0,27%
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	5.102	0,02%	2.000	0,01%
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	437.537	1,96%	571.710	3,06%
Ngành khác	5.289.077	23,66%	2.410.026	12,90%
	22.352.405	100,00%	18.684.558	100,00%

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	triệu đồng	triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	591.047	384.428
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	9.552	13.417
	600.599	397.845

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày Mẫu số B05/TCTD

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

11.1 Thay đổi (tăng/giảm) dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu kỳ	252.386	132.042	384.428
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	556.825	57.972	614.797
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(263.053)	(56.628)	(319.681)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(1.589)	-	(1.589)
Các khoản mục khác	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	544.569	133.386	677.955
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(86.812)	(96)	(86.908)
Số dư cuối kỳ	457.757	133.290	591.047

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu kỳ	156.136	63.703	219.839
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	338.245	102.561	440.806
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(126.267)	(34.222)	(160.489)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(115.431)	-	(115.431)
Các khoản mục khác	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	252.683	132.042	384.725
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(297)	-	(297)
Số dư cuối kỳ	252.386	132.042	384.428

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6 của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2011.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

11.1 Thay đổi (tăng/giảm) dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2011 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay (*) triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng số dự phòng triệu đồng
Nợ cho vay nhóm Vinashin (*)	2.751.279	18.629	20.635	39.264
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.186.955	-	83.902	83.902
Nợ cần chú ý	3.286.703	70.285	24.650	94.935
Nợ dưới tiêu chuẩn	417.686	70.417	3.133	73.550
Nợ nghi ngờ	142.134	37.811	1.066	38.877
Nợ có khả năng mất vốn	484.726	347.427	-	347.427
	18.269.483	544.569	133.386	677.955

(*) Trong danh mục tín dụng của Ngân hàng bao gồm dư nợ cho một số công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) và các đơn vị đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Các khoản vay này được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về việc xem xét khoanh và cơ cấu lại các khoản nợ cũ của Vinashin và các đơn vị thành viên của Vinashin đã chuyển sang PVN và Vinalines. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của Ngân hàng.

11.2 Thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng trong năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu kỳ	-	13.417	13.417
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	-	-
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.865)	(3.865)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	-	9.552	9.552
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	9.552	9.552

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

11.2 Thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng trong năm trước bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu kỳ	-	18.297	18.297
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	-	-
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(4.880)	(4.880)
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	-	13.417	13.417
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	13.417	13.417

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6 của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ cam kết ngoại bảng tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2011.

Dự phòng cho số công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2011:

Phân loại	Số dư ngoại bảng (*) triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng số dự phòng triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.273.593	-	9.552	9.552
Nợ cần chú ý	-	-	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-	-	-
	1.273.593	-	9.552	9.552

(*) số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2011

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán Nợ	7.494.821	3.415.370
Chứng khoán Chính phủ	6.472.895	2.753.688
Chứng khoán Nợ do các TCTD trong nước phát hành	151.125	233.682
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	870.801	428.000
Chứng khoán Vốn	32.000	32.000
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	32.000	32.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(101.587)	(23.929)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.349.271	4.004.518
Chứng khoán Chính phủ	201.163	795.121
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	2.720.530	1.769.152
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.427.578	1.440.245
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(3.880)	-
	11.770.625	7.427.959

Chi tiết các khoản chứng khoán nợ sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
Chứng khoán Chính phủ	6.154.078	6.472.895	2.737.239	2.753.688
Trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ	2.233.078	2.258.532	2.517.239	2.539.003
Trái phiếu đô thị UBND TP HCM	50.000	66.673	5.000	5.000
Trái phiếu kho bạc Nhà nước	821.000	870.469	55.000	53.071
Trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	2.850.000	3.075.098	160.000	156.614
Ngân hàng chính sách Xã hội	200.000	202.123	-	-
Chứng khoán do TCTD trong nước phát hành	134.600	151.125	234.600	233.682
Trái phiếu của NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	134.600	151.125	234.600	233.682
Chứng khoán do các TC-KT phát hành	878.000	870.801	428.000	428.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	300.000	292.801	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đức Khải	200.000	200.000	-	-
Trái phiếu của Tổng Công ty Điện lực VN	-	-	50.000	50.000
Trái phiếu Tổng Công ty Lilama	150.000	150.000	150.000	150.000
Trái phiếu Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	140.000	140.000	140.000	140.000
Trái phiếu Công ty ĐTPT Đường Cao Tốc VN	88.000	88.000	88.000	88.000
	7.166.678	7.494.821	3.399.839	3.415.370

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

- *Trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ có thời hạn từ 3 năm đến 5 năm và có lãi suất từ 7,86% đến 13,20%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.*
- *Trái phiếu Đô thị do UBND TP Hồ Chí Minh phát hành có thời hạn 10 năm; lãi suất 8,8%/năm và lãi được trả hàng năm.*
- *Trái phiếu Kho bạc Nhà nước có thời hạn từ 2 đến 5 năm và có lãi suất 8,5% đến 13,2%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.*
- *Trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn từ 2 đến 10 năm và có lãi suất là 8,40% đến 12,70%/năm, lãi được trả hàng năm.*
- *Trái phiếu Ngân hàng Chính sách xã hội có thời hạn 2 năm và lãi suất 12%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.*
- *Trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm và có lãi suất là 8,15% đến 9,80%/năm, lãi được trả hàng năm.*
- *Trái phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội có thời hạn 3 năm và có lãi suất 20%/năm kỳ đầu, các kỳ sau lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 5,50%); lãi trả định kỳ hàng năm.*
- *Trái phiếu Công ty Cổ phần Đức Khải có thời hạn 2 năm; kỳ trả lãi đầu tiên là 1 năm với lãi suất cố định là 23%; các kỳ tiếp theo lãi trả định kỳ 6 tháng với lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 6,50%).*
- *Trái phiếu do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam phát hành có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất là 9,60%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng 1,20%) trong những năm tiếp theo, lãi trả hàng năm. Trái phiếu này đáo hạn ngày 01/09/2011.*
- *Trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) phát hành có thời hạn từ 5 đến 10 năm, lãi suất từ 9,20% đến 9,60%/năm và lãi được trả hàng năm.*
- *Trái phiếu Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín phát hành có thời hạn 5 năm, lãi suất 10,00%/năm và lãi được trả hàng năm..*
- *Trái phiếu Cty ĐTPT Đường Cao Tốc Việt Nam phát hành có thời hạn 15 năm, lãi suất 9,00%/năm và lãi được trả hàng năm.*

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng có sử dụng một số chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho hoạt động vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm chi tiết tại *Thuyết minh 46.3*.

Chi tiết các khoản chứng khoán vốn sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Xây dựng (Cavico)	32.000	32.000	32.000	32.000
	32.000	32.000	32.000	32.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2011	31/12/2010		
	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
Chứng khoán Chính Phủ				
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	200.000	201.163	750.000	795.121
	200.000	201.163	750.000	795.121
Chứng khoán do TCTD trong nước phát hành				
Trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	2.721.300	2.720.530	1.771.300	1.769.152
71.300	70.530	71.300	69.152	
Kỳ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	1.000.000	1.000.000	-	-
Kỳ phiếu NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	700.000	700.000	50.000	50.000
Trái phiếu NHTMCP Hàng Hải	-	-	700.000	700.000
Trái phiếu NHTMCP Công thương Việt Nam	300.000	300.000	300.000	300.000
Trái phiếu Ngân hàng Indovina	50.000	50.000	50.000	50.000
Trái Phiếu NHTMCP Dầu khí Toàn cầu	600.000	600.000	600.000	600.000
Chứng khoán do các TC-KT phát hành	1.422.000	1.427.578	1.422.000	1.440.245
Trái phiếu Tập đoàn CNTT Vinashin	600.000	600.009	600.000	610.301
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam	300.000	305.569	300.000	307.944
Trái phiếu Công ty TNHH Hùng Vương Huệ	32.000	32.000	32.000	32.000
Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà	140.000	140.000	140.000	140.000
Trái phiếu Tập đoàn Hòa Phát	200.000	200.000	200.000	200.000
Trái phiếu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Sản xuất Hạ Long	150.000	150.000	150.000	150.000
	4.343.300	4.349.271	3.943.300	4.004.518

- *Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam* là các trái phiếu có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm và có lãi suất từ 8,10% đến 11,80%/năm, lãi được trả hàng năm.
- *Trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam* là các trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 8,15%/năm, lãi được trả hàng năm.
- *Kỳ phiếu ghi danh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội* có thời hạn 3 tháng, lãi suất 14%, lãi trả cuối kỳ.
- *Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín* là trái phiếu có kỳ hạn 6 tháng và có lãi suất 14%/năm, lãi được trả cuối kỳ.
- *Trái phiếu Trái phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải* là trái phiếu có kỳ hạn 3 năm và có lãi suất từ 10,80% đến 13,80%/năm, lãi được trả hàng năm.
- *Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương* là các trái phiếu có kỳ hạn 2 năm và có lãi suất từ 11,90% đến 12,50%/năm, lãi trả hàng năm.
- *Trái phiếu Ngân hàng Indovina* có thời hạn 2 năm, lãi suất 12%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.
- *Trái phiếu NHTMCP Dầu khí Toàn cầu* có thời hạn 2 năm, lãi suất 12%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.
- *Trái phiếu Tập đoàn CNTT Vinashin* là các trái phiếu phát hành năm 2007 có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất cố định 10,00%, lãi được trả hàng năm và trái phiếu phát hành năm 2008, có kỳ hạn 3 năm, lãi suất trả cho kỳ đầu tiên là 12,75%, lãi suất trả cho các kỳ sau bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ 3 năm kỳ gần nhất cộng biên độ 2,50%/năm.
- *Trái phiếu Tập đoàn Công Nghiệp than khoáng sản Việt Nam* là trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 10,50%/năm, lãi được trả hàng năm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

- Trái phiếu Công ty TNHH Hùng Vương Huệ là trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 12,50%/năm cho kỳ đầu tiên; lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 3,60%) cho các kỳ tiếp theo; lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư KD và PT Hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Hà là trái phiếu 3 năm và có lãi suất là 12,50%/năm cho kỳ đầu tiên, lãi suất thả nổi thay đổi ba tháng một lần (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 4,00%) cho các kỳ tiếp theo; lãi được 6 tháng/lần.
- Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát là trái phiếu 3 năm, có lãi suất là 14,50%/năm cho kỳ trả lãi đầu tiên, lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 3,50%) cho các kỳ tiếp theo; lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển sản xuất Hạ Long là trái phiếu 2 năm, có lãi suất là 15,00%/năm cho kỳ trả lãi đầu tiên, lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 4,00%) cho các kỳ tiếp theo; lãi được trả hàng năm.

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng có sử dụng một số chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho hoạt động vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm chi tiết tại Thuyết minh 46.3.

12.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Năm 2011 triệu đồng	Năm 2010 triệu đồng
Số dư đầu kỳ	23.929	-
Số dự phòng đã trích lập trong kỳ	87.215	23.929
Số dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(5.677)	-
Số xử lý rủi ro trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	105.467	23.929

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Dự phòng triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Dự phòng triệu đồng
Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán	32.000	(18.252)	32.000	(23.929)
Công ty CP Khai thác mỏ và XD (Cavico)	32.000	(18.252)	32.000	(23.929)
Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	7.494.821	(83.335)	3.279.270	-
Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn	4.349.271	(3.880)	4.004.518	-
		(105.467)		(23.929)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>Các khoản đầu tư dài hạn khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	150.000	266.959	416.959
Vốn góp tăng trong năm	-	-	-
Vốn góp giảm trong năm	(2.000)	(2.500)	(4.500)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(16.388)	(16.388)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	148.000	248.071	396.071

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>2011</i>		<i>2010</i>	
	<i>Giá gốc triệu đồng</i>	<i>% sở hữu của Ngân hàng</i>	<i>Giá gốc triệu đồng</i>	<i>% sở hữu của Ngân hàng</i>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	148.000	98,66%	150.000	100,00%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	148.000		150.000	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2011			31/12/2010		
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng
Đầu tư vào các tổ chức tài chính						
Công ty BH và Tái BH Viễn Đông (1)	11.571	11.540	2,89%	11.571	11.571	3,86%
Quỹ Thành viên Vietcombank 1 (VPF1) (1)	5.000	2.911	5,00%	7.500	5.588	5,00%
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Long (1)	30.000	18.663	10,00%	30.000	15.763	10,00%
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (1)	50.000	48.903	10,00%	50.000	50.000	10,00%
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế						
Công ty CP Đồng Xuân (1)	5.000	5.000	10,00%	5.000	5.000	10,00%
Công ty CP TM – DV Đông Anh(1)	10.000	9.833	6,67%	10.000	10.000	10,00%
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn nghiệp vụ ngân hàng (1)	767	767	10,65%	767	767	10,65%
Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (2)	6.000	6.000	10,00%	6.000	6.000	29,00%
Công ty CP Tòa nhà Cavico (2)	4.620	4.424	7,50%	4.620	4.620	9,00%
Công ty CP Xây dựng Năng lượng (1)	2.740	1.902	6,16%	2.740	2.740	8,43%
Công ty CP Bao bì và Kim loại thanh Sài Gòn	11.156	10.883	6,66%	11.156	-	13,00%
Công ty CP Đầu tư Bắc Thăng Long – Hà Nội (2)	1.500	1.500	0,50%	1.500	1.500	1,00%
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Cam Lập (1)	1.500	1.500	1,75%	1.500	1.500	0,50%
Công ty CP Dịch vụ thẻ Smartlink (1)	2.100	1.740	4,20%	2.100	1.730	5,00%
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Bình Tiên (2)	8.000	8.000	10,00%	8.000	8.000	10,00%
Công ty CP Bất động sản Lilama (1)	19.500	19.500	6,36%	19.500	19.500	10,00%
Trường Đại học Đông Á (1)	5.000	5.000	10,00%	5.000	5.000	10,00%
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An (2)	80.000	80.000	10,00%	80.000	80.000	10,00%
Công ty Dược và TTBYT Quân Đội (2)	905	905	0,50%	905	905	1,00%
Công ty CP XNK và Chế biến Cầu Tre (1)	9.100	9.100	5,13%	9.100	9.100	8,00%
	264.459	248.071		266.959	239.284	

(1) Ngân hàng là cổ đông sáng lập của tổ chức nhận vốn góp

(2) Ngân hàng là cổ đông chiến lược của tổ chức nhận vốn góp

Trong năm, Ngân hàng đã xem xét trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn vào những doanh nghiệp đang bị lỗ lũy kế theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Ngân hàng đã hạch toán đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản góp vốn đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

14.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng	TSCĐ khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	91.659	102.932	30.408	38.712	10.826	274.537
Mua trong kỳ	6.840	1.700	17.860	6.052	3.200	35.652
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.955)	(90)	(5.642)	(2.684)	(153)	(10.524)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	96.544	104.542	42.626	42.080	13.873	299.665
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu kỳ	(13.129)	(49.316)	(13.737)	(24.261)	(4.019)	(104.463)
Khấu hao trong kỳ	(3.796)	(13.692)	(4.709)	(6.385)	(2.392)	(30.974)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	1.325	90	3.288	2.601	153	7.457
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(15.600)	(62.918)	(15.158)	(28.045)	(6.258)	(127.979)
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu kỳ	78.530	53.616	16.671	14.451	6.807	170.074
Tại ngày cuối kỳ	80.944	41.624	27.468	14.035	7.615	171.686

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

14.1 Tài sản có định hữu hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản có định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng	TSCĐ khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	104.364	92.660	20.976	31.875	7.495	257.369
Mua trong kỳ	-	9.531	9.261	5.023	3.367	27.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.145	-	3.047	161	4.354
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	171	-	-	171
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(5.780)	(302)	-	(53)	(22)	(6.157)
Giảm khác	(6.925)	(102)	-	(1.180)	(175)	(8.382)
Số dư cuối kỳ	91.659	102.932	30.408	38.712	10.826	274.537
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu kỳ	(12.568)	(37.122)	(10.193)	(19.254)	(2.560)	(81.697)
Khấu hao trong kỳ	(3.689)	(12.593)	(3.544)	(6.232)	(1.658)	(27.717)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	(538)	-	-	-	-	(538)
Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	3.666	399	-	1.225	199	5.489
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(13.129)	(49.316)	(13.737)	(24.261)	(4.019)	(104.463)
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu kỳ	91.796	55.538	10.782	12.621	4.934	175.671
Tại ngày cuối kỳ	78.530	53.616	16.671	14.451	6.807	170.074

Các thông tin khác về tài sản có định hữu hình

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	-	3.861
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	90.546	48.068

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

14.2 Tài sản có định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu kỳ	67.747	16.369	84.116
- Mua trong kỳ	2.476	-	2.476
- Thanh lý, nhượng bán	(1.239)	-	(1.239)
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	68.984	16.369	85.353
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu kỳ	(21.538)	(3.012)	(24.549)
- Khäu hao trong kỳ	(8.910)	-	(8.910)
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	1.239	-	1.239
Số dư cuối kỳ	(29.209)	(3.012)	(32.221)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	46.209	13.357	59.567
Tại ngày cuối kỳ	39.775	13.357	53.132

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu kỳ	44.100	-	44.100
- Mua trong kỳ	23.094	16.369	39.463
- Tăng khác	898	-	898
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	(345)	-	(345)
Số dư cuối kỳ	67.747	16.369	84.116
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu kỳ	(17.240)	-	(17.240)
- Khäu hao trong kỳ	(4.643)	(3.012)	(7.654)
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	345	-	345
Số dư cuối kỳ	(21.538)	(3.012)	(24.549)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	26.862	-	26.861
Tại ngày cuối kỳ	46.209	13.357	59.567

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Các khoản lãi, phí phải thu	1.179.663	686.427
Các khoản phải thu	635.623	433.732
Tài sản có khác	31.283	3.170.469
	1.846.569	4.290.628
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(15.671)	-
	1.830.898	4.290.628

15.1. Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	632.219	367.974
Lãi phải thu từ cho vay	464.932	195.821
Lãi phải thu từ tiền gửi	82.512	109.081
Lãi phải thu từ hợp đồng hoán đổi	-	10.681
Lãi phải thu từ hợp đồng kỳ hạn	-	2.870
	1.179.663	686.427

15.2. Các khoản phải thu

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ		
Phải thu cán bộ, công nhân viên	2.360	1.321
Phải thu nội bộ khác	372.777	250.438
Các khoản phải thu bên ngoài		
Mua sắm tài sản cố định (*)	145.966	9.482
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	27.372	27.578
Phải thu về hỗ trợ lãi suất	26.480	30.738
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	33.550	9.105
Phải thu thanh toán hợp đồng kỳ hạn	-	92.916
Các khoản phải thu khác	27.118	12.154
	635.623	433.732

(*) Bao gồm khoản thanh toán mua nhà tại số 18 Nguyễn Văn Giai – Phường Đa Kao - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh với số tiền 135.000 triệu đồng. Ngân hàng đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sở hữu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.3. Tài sản có khác

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán	-	1.797.225
Ủy thác đầu tư	-	1.214.294
Chi phí chờ phân bổ	24.958	154.232
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ (xem Thuyết minh 22)	6.086	4.539
Tài sản có khác	239	179
	31.283	3.170.469

16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Vay NHNN		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	2.631.511	1.412.714
Vay thâu chi	-	598.834
	2.631.511	2.011.548

Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá có thời hạn là 1 hoặc 2 tuần và chịu lãi suất là 14%/năm.

17. TIỀN VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền, vàng gửi các TCTD khác	11.535.445	10.313.744
Vay các TCTD khác	207.177	136.465
	11.742.622	10.450.209

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

17. TIỀN VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

17.1 Tiền, vàng gửi các TCTD khác

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
a. Tiền, vàng gửi không kỳ hạn		
Bằng VNĐ	36.948	635.835
Bằng vàng và ngoại tệ	-	-
b. Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	11.498.497	9.677.909
Bằng VNĐ	9.359.441	8.775.291
Bằng vàng và ngoại tệ	2.139.056	902.618
	11.535.445	10.313.744

17.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Bằng VNĐ	144.078	-
Bằng vàng và ngoại tệ	63.099	136.465
	207.177	136.465

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

18.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.404.382	1.810.170
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1.276.035	1.653.044
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	23.327	18.433
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	81.108	122.840
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	23.912	15.853
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	17.308.473	14.693.896
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	3.533.797	3.241.297
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	11.181.715	7.717.859
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	148.370	697.376
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	2.444.591	3.037.364
Tiền gửi vốn chuyên dùng	208	529
Tiền ký quỹ	118.866	132.388
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	59.969	61.493
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng, ngoại tệ	58.897	70.895
	18.831.929	16.636.983

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

18.1. *Thuyết minh theo loại hình tiền gửi* (tiếp theo)

	31/12/2011 lãi suất %/năm	31/12/2010 lãi suất %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4 - 6,0	2,4
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4 - 6,0	2,4
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,5 - 2,0	0,2 - 0,5
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,5 - 2,0	0,2 - 0,5
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6,0 - 14,0	5,5 - 14,0
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1,2 - 5,2	0,2 - 8,0

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

18.2. *Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp*

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền gửi của TCKT	4.742.125	5.668.062
Doanh nghiệp quốc doanh	1.397.011	57.818
DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	3.146.862	5.580.997
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	198.252	29.247
Tiền gửi của cá nhân	14.089.804	10.967.833
Tiền gửi của các đối tượng khác	-	1.088
	18.831.929	16.636.983

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ	369.332	868.092
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	4.254	3.482
	373.586	871.574

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO (tiếp theo)

19.1. Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ

Chi tiết các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Tổ chức tài trợ, ủy thác đầu tư	31/12/2011			31/12/2010		
	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm
Vay ngắn hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn III	-	-	-	-	-	-
Vay trung và dài hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn II	Từ 2 năm trở lên	22.867	13,92	Từ 2 năm trở lên	55.654	11,64
Vay trung và dài hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn III	Từ 2 năm trở lên	42.439	13,92	Từ 2 năm trở lên	2.339	11,64
Vốn ủy thác từ Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	-	-	Từ 6 tháng đến 3 năm	478.032	13,00
Vốn ủy thác từ Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	-	-	-	Dưới 1 năm	82.067	16,10-17,60
Vốn nhận ủy thác, cho vay từ TCTD khác	Dưới 6 tháng	31.341	16,00	Dưới 6 tháng	250.000	12,50-14,00
Vốn nhận ủy thác, cho vay từ TCKT khác	Dưới 6 tháng	272.685	13,00 - 17,00	-	-	-
		369.332			868.092	

Vay từ Dự án Tài chính Nông thôn II và III là các khoản vay từ Tổ chức Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính nhằm cho vay lại đối với các TCTD tham gia để cung cấp các khoản vay tới các hộ gia đình với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Lãi suất của các khoản vay này là 11,64%/năm (năm 2010 là từ 9,12%/năm). Lãi suất cho vay tới các hộ gia đình tùy theo mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng trong từng giai đoạn.

Vốn nhận ủy thác cho vay từ TCTD khác là khoản vốn nhận từ các TCTD nhằm cho vay một số đối tượng khách hàng theo hợp đồng ủy thác cho vay, tuy nhiên Ngân hàng phải chịu rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay khách hàng.

19.2. Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ

Tổ chức tài trợ, ủy thác đầu tư	31/12/2011			31/12/2010		
	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm
Vay trung và dài hạn bằng ngoại tệ từ Dự án Tài chính Nông thôn II	Trên 20 năm	3.535	0,75	Trên 20 năm	3.482	0,75
Vốn ủy thác từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Previor VN	-	719	0,75	-	-	-
		4.254			3.482	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ THÔNG THƯỜNG

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	21.376	302.783
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	1.700.000	-
Trái phiếu thông thường		
24 tháng	1.230.000	2.400.000
Trái phiếu chuyển đổi		
12 tháng	-	1.050.000
	2.951.376	3.752.783

Kỳ phiếu kỳ hạn dưới 12 tháng được phát hành bằng đồng Việt Nam và có lãi suất cố định là 14,00% bao gồm hai loại kỳ phiếu có kỳ hạn 6 tháng và kỳ phiếu có kỳ hạn 3 tháng với giá trị lần lượt là 700.000 triệu đồng và 1.000.000 triệu đồng.

Trái phiếu kỳ hạn 24 tháng được phát hành bằng đồng Việt Nam phát hành thời hạn từ ngày 16 tháng 9 năm 2010 đến 16 tháng 9 năm 2012, hàng năm định kỳ lãi suất, lãi suất trả sau năm 2011 là 15,80% (2010: 11,35%).

Trái phiếu kỳ hạn 24 tháng được phát hành bằng đồng Việt Nam phát hành thời hạn từ ngày 16 tháng 9 năm 2010 đến 16 tháng 9 năm 2012, hàng năm định kỳ lãi suất, lãi suất trả sau năm 2011 là 15,8% (2010 là 11,35%).

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện phát hành 10.500.000 sổ lượng trái phiếu chuyển đổi để tăng vốn như sau:

Ngày phát hành	Loại tiền	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền thu được từ phát hành triệu đồng
28/08/2010	VND	12 tháng	10,49%/năm	1.050.000

Trong tháng 8 năm 2011, Ngân hàng đã hoàn tất việc thực hiện chuyển đổi toàn bộ các trái phiếu trên để tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng lên 4.050 tỷ đồng theo Quyết định chấp thuận số 5047/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chi tiết việc chuyển đổi như sau:

Chi tiêu	Số lượng trái phiếu/cổ phiếu	Số tiền triệu đồng
Trái phiếu chuyển đổi		
Vốn gốc	10.500.000	1.050.000
Tiền lãi	-	-
	10.500.000	1.050.000
Chuyển tăng vốn điều lệ (Thuyết minh số 23.1)		
Vốn điều lệ	105.000.000	1.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	105.000.000	1.050.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	22.352	93.356
- Các khoản phải trả công nhân viên	-	-
- Quỹ trợ cấp mất việc làm	1.193	1.905
- Doanh thu chờ phân bổ	7.278	82.302
- Phải trả về Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo	-	783
- Phải trả về Quỹ khen thưởng	5.579	4.065
- Phải trả về Quỹ phúc lợi	8.302	4.301
Các khoản phải trả bên ngoài	96.354	728.741
- Các khoản phải trả nhà đầu tư chứng khoán	-	-
- Các khoản phải trả về xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.433	96.862
- Các khoản chờ thanh toán	1.205	596.914
- Phải trả về hỗ trợ lãi suất	5.032	11.763
- Phải trả cỗ tức cho cổ đông	8.050	2.655
- Các khoản phải trả khác	19.634	20.547
	118.706	822.097

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	triệu đồng
		Số phải nộp	Số đã nộp		
Thuế GTGT	(4.539)	(230)	1.317	(6.086)	
Thuế TNDN	96.862	72.451	106.880	62.433	
Thuế TNCN	-	19.937	19.937	-	
Thuế nhà thầu	-	272	272	-	
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	-	105	105	-	
	92.323	92.535	128.511	56.347	

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các báo cáo thuế của ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	401.401	594.886
Trừ:		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(111.594)	(124.698)
Thu nhập từ CK lần đầu do kho bạc NN phát hành	-	(18.741)
Cộng:		
Dự phòng trích (thừa)/thiểu của năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN của Ngân hàng	289.807	451.447
Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng theo thuế suất 25%	72.451	112.862
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh theo do Ngân hàng điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
Thuế TNDN trong năm tài chính	72.451	112.862
Thuế TNDN phải trả đầu năm	96.862	69.063
Điều chỉnh của Cơ quan Thuế	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(106.880)	(85.063)
Thuế TNDN trả cho năm trước	(96.862)	(69.063)
Thuế TNDN trả cho năm hiện hành	(10.018)	(16.000)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	62.433	96.862

22.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các tài sản và nợ phải trả tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

23. VỐN VÀ QUÝ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

23.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2011 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	Vốn điều lệ triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần triệu đồng	Chênh lệch đánh giá lại tài sản triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ luỹ kế triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu kỳ	3.000.000	1.455	-	111.953	13.799	266.520	3.393.727
Tăng trong kỳ	1.050.000	-	17.982	34.419	18.115	276.416	1.396.932
Tăng vốn trong kỳ (*)	1.050.000	-	-	-	-	-	1.050.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	328.950	328.950
Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước	-	-	-	34.419	18.115	(52.534)	-
Các khoản tăng khác	-	-	17.982	-	-	-	17.982
Giảm trong kỳ	-	-	(17.982)	-	-	(427.080)	(445.062)
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(180.000)	(180.000)
Tạm ứng cổ tức cho năm nay	-	-	-	-	-	(240.000)	(240.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.000)	(6.000)
Giảm do nộp thuế TNCN	-	-	-	-	-	(1.080)	(1.080)
Các khoản giảm khác	-	-	(17.982)	-	-	-	(17.982)
Số dư cuối kỳ	4.050.000	1.455	-	146.372	31.914	115.856	4.345.597

(*) Trong năm 2010, Ngân hàng đã phát hành một (01) đợt trái phiếu chuyển đổi bằng đồng Việt Nam, có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 10,49%/năm và có tỷ lệ chuyển đổi là 1:10 (một trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu). Các trái phiếu chuyển đổi này đến hạn vào tháng 8 năm 2011 và đã được chuyển đổi thành vốn cổ phần theo Quyết định chấp thuận số 5047/QĐ-NHNN ngày 29/06/2011 của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

23. VỐN VÀ QUÝ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

23.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết phần vốn đầu tư của Ngân hàng như sau:

	31/12/2011			31/12/2010		
	Tổng số triệu đồng	Vốn CP thường triệu đồng	Vốn CP ưu đãi triệu đồng	Tổng số triệu đồng	Vốn CP thường triệu đồng	Vốn CP ưu đãi triệu đồng
Vốn góp của các cổ đông	4.050.000	4.050.000	-	3.000.000	3.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	1.455	1.455	-	1.455	1.455	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
	4.051.455	4.051.455	-	3.001.455	3.001.455	-

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	405.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	405.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	405.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	405.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	405.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

23. VỐN VÀ QUÝ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

23.2. Các quỹ của Ngân hàng

Ngân hàng trích lập các quỹ dự trữ theo Luật các TCTD số 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 6 năm như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	Không quy định	Không quy định

Ngoài ra, Ngân hàng trích 6.000 triệu đồng vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm. Ngân hàng chưa thực hiện trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc cho năm 2011 và chỉ thực hiện sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cổ phiếu phổ thông phát hành thu tiền được tính vào số bình quân gia quyền của cổ phiếu khi ghi nhận được tiền. Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn lợi nhuận để lại và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ làm tăng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành mà không có sự gia tăng nguồn vốn. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện này được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông được lưu hành với giả thiết sự kiện này đã xảy ra ngay tại thời điểm đầu kỳ báo cáo.

Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng Trừ: trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính)	234.151	476.321
	(6.000)	-
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	228.151	476.321
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	336.246.575	300.000.000
	679	1.588

25. CỔ TỨC

Ngân hàng đã thông báo và trả cổ tức năm 2011 vào tháng 9 năm 2011 với tỷ lệ cổ tức là 8%, tương đương 240.000 triệu đồng. Số cổ tức thực trả bằng tiền trong năm là 235.813 triệu đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

26. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	651.264	343.969
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	4.218.076	2.038.195
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ:	907.449	665.180
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	2.075	-
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	905.374	665.180
Thu khác từ hoạt động tín dụng	6.240	5.914
	5.783.029	3.053.258

27. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	4.373.925	1.857.834
Trả lãi tiền vay	285.685	291.744
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	289.380	217.623
Chi phí hoạt động tín dụng khác	741	884
	4.949.731	2.368.085

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	60.471	63.794
Dịch vụ thanh toán	32.110	28.552
Nghiệp vụ bảo lãnh	23.372	30.236
Dịch vụ tư vấn	-	6
Thu phí dịch vụ khác	4.989	5.000
Chi phí hoạt động dịch vụ	(23.144)	(42.832)
Dịch vụ thanh toán	(8.750)	(7.584)
Hoạt động ngân quỹ	(12)	(20)
Dịch vụ tư vấn	(6.732)	(30.765)
Chi phí hoa hồng, môi giới	(3.120)	(2.714)
Chi phí dịch vụ khác	(4.530)	(1.749)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	37.327	20.962

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

29. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	132.769	11.590.042
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	128.833	11.588.754
Thu từ kinh doanh vàng	-	-
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.936	1.288
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(237.662)	(11.604.309)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(153.137)	(11.539.227)
Chi về kinh doanh vàng	(32.517)	-
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(52.008)	(65.082)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(104.893)	(14.267)

30. LÃI/LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3.743	100.918
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	-	(643)
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(4.237)	(5.471)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh	(494)	94.804

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	382.016	119.752
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(37.685)	(2.442)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(81.538)	(9.410)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	262.793	107.900

32. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	62.858	244.263
Thu hồi các khoản nợ xấu đã được xử lý	20.198	83.280
Thu nhập từ thanh lý tài sản	26.996	156.372
Thu nhập khác	4.377	4.611
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn khác	11.287	-
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	(20.311)	(28.770)
Chi phí khác	(20.311)	(28.770)
42.547	215.493	

SC
CC
NCHX
NSST
VIET
PH.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

33. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Cổ tức năm hiện hành chuyển về từ công ty con	109.725	119.727
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần:	1.869	4971
- <i>từ chứng khoán Vốn kinh doanh</i>	-	1.288
- <i>từ chứng khoán Vốn đầu tư</i>	-	-
- <i>từ góp vốn, đầu tư dài hạn</i>	1.869	3.683
Các khoản thu nhập khác	-	-
	111.594	124.698

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Chi phí thuê và các khoản phí, lệ phí	22.916	15.280
Chi phí cho nhân viên	184.634	144.487
- <i>Chi lương và phụ cấp</i>	172.543	137.599
- <i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	10.931	6.134
- <i>Chi trợ cấp</i>	469	564
- <i>Chi công tác xã hội</i>	691	190
Chi về tài sản	70.070	60.290
- <i>Trong đó: Khấu hao tài sản cố định</i>	39.884	35.371
Chi thuê tài sản	61.438	46.756
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	18.533	14.339
- <i>Công tác phí</i>	13.194	7.854
- <i>Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD</i>	5.339	6.485
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	16.854	11.511
Chi dự phòng	15.671	5.797
Chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị và khuyển mại	37.719	22.315
Chi bưu phí và điện thoại	10.398	7.891
Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	12.454	10.819
Chi phí hoạt động khác	38.983	24.805
	489.670	364.290

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán riêng sau đây:

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	347.483	348.598
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	769.707	837.740
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày	2.391.030	4.498.957
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	1.000.000	-
	4.508.220	5.685.295

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Thực tế phát sinh năm 2011	Thực tế phát sinh năm 2010
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	1.791	1.370
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	159.625	117.297
2. Tiền thưởng	-	31.037
3. Thu nhập khác	10.981	17.868
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	170.606	166.202
5. Tiền lương bình quân	7,43	7,13
6. Thu nhập bình quân	7,94	10,11

37. TÀI SẢN THẺ CHẤP

37.1 Loại hình và giá trị tài sản thẻ chấp nắm giữ của khách hàng

	Giá trị sổ sách tại thời điểm cầm cố, thẻ chấp (triệu đồng)		Giá trị sổ sách tại thời điểm cầm cố, thẻ chấp (triệu đồng)	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Bất động sản	16.156.226	7.760.174	16.156.226	7.760.174
Động sản	3.725.243	1.818.869	3.725.243	1.818.869
Chứng từ có giá	2.108.465	1.816.882	2.108.465	1.816.882
Tài sản khác	4.131.046	7.824.808	4.131.046	7.824.808
	26.120.980	19.220.733	26.120.980	19.220.733

37.2 Các tài sản thẻ chấp nắm giữ và được phép bán hoặc đem đi thẻ chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ

2011
triệu đồng

Giá trị hợp lý của các chứng khoán nắm giữ có thể được bán hoặc
thẻ chấp lại cho bên thứ ba

Theo các hợp đồng mua và bán lại, các hợp đồng đi vay và cho vay
chứng khoán

Theo các hợp đồng cho vay

Theo các giao dịch phái sinh và giao dịch khác

Trong đó, phần đã bán hoặc đem đi thẻ chấp cho bên thứ ba

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

38. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

38.1 Các cam kết ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Chi tiết cam kết ngoại bảng vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Bảo lãnh tài chính	462.118	1.037.771
Thư tín dụng trả ngay	143.527	500.622
Thư tín dụng trả chậm	123.651	250.947
Cam kết bảo lãnh khác	544.297	-
	1.273.593	1.789.340

38.2 Nghĩa vụ tiềm ẩn khác

Trong quá trình đổi chiểu sổ dư định kỳ, Ngân hàng phát hiện có một số dấu hiệu bất thường trong giao dịch mà Ngân hàng làm trung gian nhận tiền gửi để ủy thác đầu tư cho hai khách hàng. Theo đó, các đối tượng có liên quan bên ngoài đã có tình có hành vi gian lận, lừa đảo Ngân hàng trong giao dịch này bằng cách làm giả cam kết đảm bảo dùng tiền gửi của bên thứ ba tại Ngân hàng để bảo lãnh cho khoản ủy thác đầu tư của Ngân hàng cho hai khách hàng nêu trên. Ngân hàng đã chủ động báo cáo cơ quan có thẩm quyền và vụ việc này đã được khởi tố hình sự, chưa có kết luận cuối cùng. Ban Điều hành của Ngân hàng tin tưởng rằng vì Ngân hàng chỉ là trung gian tài chính nên Ngân hàng không phải chịu trách nhiệm liên đới và bất kỳ tổn thất tài chính nào liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng nói trên, trừ các chi phí hoặc tổn thất tài chính có thể kiểm soát được phát sinh trong quá trình theo đuổi và thi hành các thủ tục tố tụng liên quan.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

39. HOẠT ĐỘNG ỦY THÁC VÀ ĐẠI LÝ TCTD KHÔNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Vốn cho vay ủy thác đầu tư nhận từ tổ chức khác	-	714.724
	-	714.724

40. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bao gồm:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d);

Chi tiết nợ và cho vay các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu triệu đồng	(Phải trả) triệu đồng
Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu	Cổ đông của Ngân hàng	Cho vay của Ngân hàng	752.222	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

41. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng (*)	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán (Chênh lệch DN-DC)
Trong nước	17.830.490	18.819.660	1.273.593	42.759.955	11.824.723
Nước ngoài	-	7.374	-	-	-

(*) Các cam kết tín dụng bao gồm cam kết bảo lãnh tài chính, cam kết thanh toán theo thư tín dụng và cam kết cho vay khách hàng không hủy ngang.

42. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Mục tiêu của Ngân hàng là tối đa hóa giá trị đầu tư của cổ đông, giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán riêng của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.Thêm vào đó, Ngân hàng cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời.Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

43. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

43.1. Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

43.2. Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

	Quá hạn			
	Dưới 90 ngày triệu đồng	91-180 ngày triệu đồng	181-360 ngày triệu đồng	Trên 360 ngày triệu đồng
TÀI SẢN				
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác				
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	223.954	-	-	-
Cho vay các TCTD khác	-	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh				
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác				
Cho vay khách hàng	99.040	751.233	163.845	19.148
Chứng khoán đầu tư				
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	500.000	-	-	-
Tài sản có khác				
Các khoản phải thu	-	-	-	-
Các khoản lãi, phí phải thu	67.832	-	-	-
Tài sản Có khác	-	-	-	-

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

44.1. Rủi ro lãi suất

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính riêng cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- ▶ Đối với chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán Nợ, thời hạn định lại lãi suất thực tế được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của từng loại chứng khoán; chứng khoán Vốn được xếp loại khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng; Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi; Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế còn lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không chịu lãi	Ảnh hưởng do định giá lại lãi suất trong khoảng thời gian từ						Trên 5 năm	Tổng
			Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm			
TÀI SẢN										
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	347.483	-	-	-	-	-	-	-	347.483
Tiền gửi tại NHNN	-	-	440.766	-	-	-	-	-	-	440.766
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác(*)	-	-	2.782.251	954.893	610.000	5.606	270.000	-	-	4.622.750
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	500	50.642	6.762	1.582	-	-	59.486
Các công cụ TC phái sinh và các tài sản TC khác	-	1.656	82	(475)	(182)	-	-	-	-	1.081
Cho vay khách hàng (*)	6.406.932	-	7.821.196	3.620.067	2.773.484	1.410.559	22.765	297.402	22.352.405	
Chứng khoán đầu tư (*)	500.000	334.114	240.000	1.150.000	1.360.000	1.831.500	5.740.478	720.000	11.876.092	
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	148.000	232.359	32.100	412.459	
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	224.818	-	-	-	-	-	-	-	224.818
Tài sản có khác (*)	-	1.846.569	-	-	-	-	-	-	-	1.846.569
Tổng tài sản	6.906.932	2.754.640	11.284.295	5.724.985	4.793.944	3.402.427	6.267.184	1.049.502	42.183.909	
NỢ PHẢI TRẢ										
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	10.757.405	2.516.728	1.100.000	-	-	-	-	14.374.133
Tiền gửi của khách hàng	395.000	-	9.212.495	6.193.559	617.881	1.979.380	432.385	1.229	18.831.929	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	58.270	230.920	27.368	8.134	44.640	4.254	373.586	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	8.179	1.011.427	701.424	1.230.346	-	-	2.951.376	
Các khoản nợ khác	-	563.775	-	-	-	-	-	-	-	563.775
Tổng nợ phải trả	395.000	563.775	20.036.349	9.952.634	2.446.673	3.217.860	477.025	5.483	37.094.799	
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng	6.511.932	2.190.865	(8.752.054)	(4.227.649)	2.347.271	184.567	5.790.159	1.044.019	5.089.110	
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	-	(1.988)	-	-	-	-	-	-	(1.988)
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	6.511.932	2.190.865	(8.754.042)	(4.227.649)	2.347.271	184.567	5.790.159	1.044.019	5.087.122	

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.1. *Rủi ro lãi suất* (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

44.2. *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.2. Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<i>EUR được quy đổi</i>	<i>USD được quy đổi</i>	<i>Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi</i>	<i>Các ngoại tệ khác được quy đổi</i>	<i>VND</i>	<i>Đơn vị: triệu đồng</i>
Tài sản						
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	29.702	86.244	21.795	1.145	208.597	347.483
Tiền gửi tại NHNN	-	20.944	-	-	419.822	440.766
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.272	939.229	-	201.115	3.479.134	4.622.750
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	59.486	59.486
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	35.397	(14.438)	-	-	(19.878)	1.081
Cho vay khách hàng (*)	116.080	3.321.423	-	-	18.914.902	22.352.405
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	11.876.092	11.876.092
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	412.459	412.459
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	224.818	224.818
Các tài sản Có khác (*)	373	16.383	-	-	1.829.813	1.846.569
Tổng tài sản	184.824	4.369.785	21.795	202.260	37.405.245	42.183.909
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	2.202.155	-	-	12.171.978	14.374.133
Tiền gửi của khách hàng	188.719	2.562.229	-	1.035	16.079.946	18.831.929
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	4.254	-	-	369.332	373.586
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	21.376	-	2.930.000	2.951.376
Các khoản nợ khác	1.263	22.906	-	244	539.362	563.775
Vốn và các quỹ	-	-	-	-	4.345.597	4.345.597
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	189.982	4.791.544	21.376	1.279	36.436.215	41.440.396
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(5.158)	(421.759)	419	200.981	969.030	743.513
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	12.363	180.009	-	(194.360)	-	(1.988)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	7.205	(241.750)	419	6.621	969.030	741.525

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.2. *Rủi ro tiền tệ* (tiếp theo)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Ngân hàng chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

44.3. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài vốn cơ bản của ngân hàng. Đồng thời ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khê ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị dư nợ ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Đơn vị: triệu đồng							
	Quá hạn		Trong hạn					
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản								
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	347.483	-	-	-	-	347.483
Tiền gửi tại NHNN	-	-	440.766	-	-	-	-	440.766
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	2.697.251	954.893	700.606	270.000	-	4.622.750
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	500	-	58.986	-	59.486
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	1.738	(475)	(182)	-	-	1.081
Cho vay khách hàng (*)	836.209	5.570.723	7.821.196	3.620.067	4.184.043	22.765	297.402	22.352.405
Chứng khoán đầu tư (*)	-	500.000	574.114	1.150.000	3.191.500	5.740.478	720.000	11.876.092
Góp vốn, đầu tư dài hạn(*)	-	-	-	-	148.000	232.359	32.100	412.459
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	224.818	-	-	-	-	224.818
Tài sản Có khác (*)	-	-	1.846.569	-	-	-	-	1.846.569
Tổng tài sản	836.209	6.070.723	13.953.935	5.724.985	8.223.967	6.324.588	1.049.502	42.183.909
Nợ phải trả								
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	10.734.599	2.512.543	1.120.307	6.684	-	14.374.133
Tiền gửi của khách hàng	-	395.000	8.778.184	5.819.036	2.987.780	850.700	1.229	18.831.929
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	58.270	230.920	35.502	44.640	4.254	373.586
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	8.179	1.011.427	1.931.770	-	-	2.951.376
Các khoản nợ khác	-	-	563.775	-	-	-	-	563.775
Tổng nợ phải trả	-	395.000	20.143.007	9.573.926	6.075.359	902.024	5.483	37.094.799
Mức chênh thanh khoản ròng	836.209	5.675.723	(6.189.072)	(3.848.941)	2.148.608	5.422.564	1.044.019	5.089.110

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

45. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	-	-
Các cam kết góp vốn đầu tư mua cổ phần	-	-
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	165.022	192.555
Trong đó:		
- đến hạn trong 1 năm	5.857	2.670
- đến hạn từ 2 đến 5 năm	126.222	106.299
- đến hạn sau 5 năm	32.943	83.586

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong các báo cáo tài chính riêng.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 46 trên các báo cáo tài chính riêng chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

46. TRÌNH BÀY BÓ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Ngân hàng sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

46.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

(Triệu VNĐ)	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	347.483	347.483	347.483
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	440.766	440.766	440.766
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	-	-	4.622.750	-	-	4.622.750	(*)
Chứng khoán kinh doanh	59.487	-	-	-	-	59.487	54.098
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-	1081	1.081	1.081
Cho vay khách hàng	-	-	22.352.405	-	-	22.352.405	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	7.526.821	-	7.526.821	7.425.226
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	4.349.271	-	-	-	4.349.271	4.345.401
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	1.256.002	1.256.002	(*)
	59.487	4.349.271	26.975.155	7.526.821	2.045.332	40.956.066	12.614.055

(*) Không có tham chiếu giá trị hợp lý.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

46.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

(Triệu VNĐ)	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	2.631.511	2.631.511	2.637.185
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	11.742.622	11.742.622	11.909.761
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	18.831.929	18.831.929	19.024.787
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	373.586	373.586	386.757
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	2.951.376	2.951.376	3.017.602
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	529.067	529.067	529.067
	-	-	-	-	37.060.091	37.060.091	37.505.159

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

46.2 Phân loại lại tài sản tài chính

Trong năm, Ngân hàng đã thực hiện phân loại lại một số các tài sản tài chính như sau:

- 203.939 triệu đồng chứng khoán kinh doanh sang chứng khoán sẵn sàng để bán do thay đổi mục đích năm giữ. Sự thay đổi này làm tăng lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng lên không đáng kể so với trường hợp không phân loại lại;
- 444.000 triệu đồng từ chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sang chứng khoán sẵn sàng để bán do thay đổi mục đích năm giữ. Sự thay đổi này không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng như vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.

46.3 Tài sản tài chính đã cầm cố, thế chấp hoặc đã chuyển nhượng nhưng không đủ điều kiện dùng ghi nhận

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Nghĩa vụ có liên quan triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Nghĩa vụ có liên quan triệu đồng
Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	-	-	136.100	136.100
Trái phiếu Chính phủ	6.607.385	5.553.480	2.207.200	1.677.796
Trái phiếu đô thị	66.673	43.822	5.000	1.870
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	571.655	428.177	302.834	305.900
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	388.000	299.693	-	-
Các khoản cho vay	399.627	399.000	308.021	299.300
Các tài sản khác	-	-	-	-
	8.033.340	6.724.172	2.959.155	2.420.966

47. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD

48. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	31/12/2011 đồng	31/12/2010 đồng
USD	21.033	19.495
EUR	27.473	27.641
GBP	32.674	32.077
CHF	22.552	23.229
JPY	273	255
SGD	16.320	17.540
CAD	20.792	20.775
AUD	21.545	21.107

Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân giữa giá mua và giá bán ngoại tệ chuyển khoản vào cuối ngày 31 tháng 12 năm 2011 để quy đổi các báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người lập:

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012